

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TỈNH LÂM ĐỒNG

Số: 2065/CTLĐO-TTHT

V/v Một số chính sách thuế cần quan tâm đối với hoạt động chuyên nhượng vốn, chuyển nhượng dự án đầu tư

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lâm Đồng, ngày 17 tháng 4 năm 2024

Kính gửi:

- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Lâm Đồng;
- Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lâm Đồng;
- Hội đồng phối hợp Phổ biến Giáo dục Pháp luật tỉnh Lâm Đồng;
- Báo Lâm Đồng;
- Đài Phát thanh - Truyền hình Lâm Đồng;
- Trung tâm Xúc tiến Đầu tư Thương mại & Du lịch tỉnh;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh (số 2A Trần Hưng Đạo, P3, Đà Lạt);
- Hội Doanh nhân trẻ tỉnh (số 15 Cô Giang, P9, Đà Lạt);
- Liên minh Hợp tác xã tỉnh (số 2A Trần Hưng Đạo, P3, Đà Lạt);
- Trung tâm Tích hợp Dữ liệu và Chuyển đổi số tỉnh.

Thực hiện Chương trình phối hợp số 3650/CTPH-MTTQ-CTLĐO ngày 29/10/2021 giữa Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh với Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng về tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện pháp luật về thuế trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2021-2025.

Nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả công tác quản lý Thuế, tăng cường công tác tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế là các tổ chức, doanh nghiệp, hộ, cá nhân trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng biết, thực hiện. Cục Thuế biên soạn tài liệu tuyên truyền "**Hỏi - Đáp một số chính sách thuế cần quan tâm đối với hoạt động chuyên nhượng vốn, chuyển nhượng dự án đầu tư**" để gửi đến các cơ quan, ban ngành có liên quan phối hợp cùng ngành Thuế tuyên truyền, phổ biến đến người nộp thuế biết và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước.

Để việc tuyên truyền, phổ biến chính sách thuế sâu rộng trong nhân dân, làm cơ sở cho người nộp thuế thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Cục Thuế đề nghị:

- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh phối hợp tuyên truyền đến các tổ chức thành viên và các đơn vị trực thuộc theo Chương trình phối hợp số 3650/CTPH-MTTQ-CTLĐO ngày 29/10/2021;
- Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lâm Đồng phối hợp truyền thông trên các kênh tuyên truyền của tỉnh;
- Hội đồng phối hợp Phổ biến Giáo dục Pháp luật tỉnh Lâm Đồng phối hợp tuyên truyền, phổ biến đến người nộp thuế theo hình thức phù hợp;

- Báo Lâm Đồng, Đài Phát thanh - Truyền hình Lâm Đồng viết bài, đưa tin;
- Trung tâm Xúc tiến Đầu tư Thương mại & Du lịch phối hợp tuyên truyền, gửi tài liệu đến các doanh nghiệp, tổ chức trên địa bàn tỉnh;
- Hiệp hội Doanh nghiệp, Hội Doanh nhân trẻ tỉnh Lâm Đồng tuyên truyền, phổ biến đến các hội viên thuộc hội biết, thực hiện;
- Liên minh Hợp tác xã tỉnh Lâm Đồng tuyên truyền, phổ biến đến các thành viên thuộc Liên minh biết, thực hiện;
- Trung tâm Tích hợp Dữ liệu và Chuyển đổi số tỉnh hỗ trợ đăng lên Trang Zalo Cổng hành chính công tỉnh Lâm Đồng;
- Cục Thuế (Phòng TT-HT NNT), các Chi cục Thuế trực thuộc Cục Thuế dùng tài khoản tuyên truyền chính sách gửi tài liệu tuyên truyền đến hộp thư điện tử người nộp thuế theo phân cấp quản lý;
- Phòng Tuyên truyền - Hỗ trợ người nộp thuế đăng lên Trang thông tin điện tử Cục Thuế, Trang Zalo và Fanpage Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng;
- Công chức ngành thuế Lâm Đồng với trách nhiệm “*Mỗi công chức thuế là một tuyên truyền viên*” thực hiện “*chia sẻ*” bài viết lên nhật ký trang Zalo, Facebook... của cá nhân góp phần lan tỏa nội dung tuyên truyền đến với người dân, doanh nghiệp.

(Phụ lục tài liệu tuyên truyền “Hỏi - Đáp một số chính sách thuế cần quan tâm đối với hoạt động chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng dự án đầu tư” gửi kèm)

Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng mong được sự phối hợp của các cơ quan, ban ngành trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND các huyện, thành phố (phối hợp);
- Các Phòng, VP thuộc Cục Thuế;
- Các CCT trực thuộc;
- Trang Thông tin Điện tử Cục Thuế;
- Lưu: VT, TTHT, tttthuy.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Tuyết Ánh

Phụ lục

TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN

Hỏi - Đáp một số chính sách thuế cần quan tâm đối với hoạt động chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng dự án đầu tư

(Ban hành kèm theo Công văn số /CTLĐO-TTHT ngày /4/2024 của Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng)

I. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (GTGT)

Câu 1. Hoạt động chuyển nhượng vốn (CNV) bao gồm các hình thức nào và có thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT không?

Trả lời:

Hoạt động CNV bao gồm việc chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn đã đầu tư vào tổ chức kinh tế khác (*không phân biệt có thành lập hay không thành lập pháp nhân mới*), chuyển nhượng chứng khoán, chuyển nhượng quyền góp vốn và các hình thức CNV khác theo quy định của pháp luật, kể cả trường hợp bán doanh nghiệp cho doanh nghiệp khác để sản xuất kinh doanh và doanh nghiệp mua kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp bán theo quy định của pháp luật; hoạt động CNV thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

(Điểm d khoản 8 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 đã được sửa đổi, bổ sung bởi các Thông tư có liên quan)

Câu 2. Hoạt động chuyển nhượng dự án đầu tư (CNDĐT) có thuộc trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT không?

Trả lời:

Trường hợp tổ chức, cá nhân CNDĐT để sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT cho doanh nghiệp, hợp tác xã thì thuộc trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT.

(Khoản 4 Điều 5 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 đã được sửa đổi, bổ sung bởi các Thông tư có liên quan)

Câu 3. Mẫu biểu khai thuế GTGT?

Trả lời:

Một trong các mẫu biểu quy định về khai thuế GTGT được ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 là:

Mẫu số **01/GTGT** - Tờ khai thuế GTGT (áp dụng đối với người nộp thuế tính thuế theo phương pháp khấu trừ có hoạt động sản xuất kinh doanh).

II. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)

Câu 4. Quy định về người nộp thuế TNDN đối với hoạt động CNV, CNDĐT?

Trả lời:

1. Người nộp thuế TNDN là tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế...

2. Tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam nộp thuế TNDN theo hướng dẫn riêng của Bộ Tài chính. Các tổ chức này nếu có hoạt động CNV thì thực hiện nộp thuế TNDN theo hướng dẫn tại Điều 14 Chương IV Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2013.

(Điều 2 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2013 đã được sửa đổi, bổ sung bởi các Thông tư có liên quan)

Câu 5. Thu nhập từ hoạt động CNV, CNDADT có chịu thuế TNDN?

Trả lời: Thu nhập chịu thuế TNDN gồm các khoản thu nhập:

- Thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ;
- Thu nhập khác bao gồm: thu nhập từ CNV, chuyển nhượng quyền góp vốn; thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản, CNDADT, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; thu nhập từ quyền sử dụng tài sản, quyền sở hữu tài sản, kể cả thu nhập từ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật; thu nhập từ chuyển nhượng, cho thuê, thanh lý tài sản, trong đó có các loại giấy tờ có giá; thu nhập từ lãi tiền gửi, cho vay vốn, bán ngoại tệ; khoản thu từ nợ khó đòi đã xóa nay đòi được; khoản thu từ nợ phải trả không xác định được chủ; khoản thu nhập từ kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót và các khoản thu nhập khác.

(Điều 3 Luật thuế TNDN ngày 03/6/2008 đã được sửa đổi, bổ sung bởi các Luật có liên quan)

Doanh nghiệp có thu nhập từ hoạt động CNV thì khoản thu nhập này được xác định là khoản thu nhập khác và kê khai vào thu nhập chịu thuế khi tính thuế TNDN.

(Điểm b khoản 2 Điều 14 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 đã được sửa đổi, bổ sung bởi các Thông tư có liên quan)

Câu 6. Thu nhập từ hoạt động CNV, CNDADT chịu thuế suất thuế TNDN là bao nhiêu?

Trả lời:

Thuế suất thuế TNDN là 22%, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 10 và đối tượng được ưu đãi về thuế suất quy định tại Điều 13 của Luật thuế TNDN ngày 03/6/2008.

Những trường hợp thuộc diện áp dụng thuế suất 22% quy định tại khoản này chuyển sang áp dụng thuế suất 20% kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

(Khoản 1 Điều 10 Luật thuế TNDN ngày 03/6/2008 đã được sửa đổi, bổ sung bởi các Luật có liên quan)

Câu 7. Thu nhập từ hoạt động CNV, CNDAĐT có được áp dụng ưu đãi thuế TNDN không?

Trả lời:

Ưu đãi thuế TNDN quy định tại các điều 13, 14, 15, 16 và 17 của Luật thuế TNDN ngày 03/6/2008 áp dụng đối với doanh nghiệp thực hiện chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ và nộp thuế theo kê khai.

Quy định về ưu đãi thuế tại khoản 1 và khoản 4 Điều 4, Điều 13 và Điều 14 của Luật thuế TNDN ngày 03/6/2008 **không áp dụng đối với:**

Thu nhập từ CNV, chuyển nhượng quyền góp vốn; thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản, trừ nhà ở xã hội quy định tại Điều 13 của Luật này; thu nhập từ CNDAĐT, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác khoáng sản; thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh ở ngoài Việt Nam.

(Khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 18 Luật thuế TNDN ngày 03/6/2008 đã được sửa đổi, bổ sung bởi các Luật có liên quan)

Câu 8. Thu nhập từ hoạt động CNV của doanh nghiệp là thu nhập nào?

Trả lời:

Thu nhập từ hoạt động CNV của doanh nghiệp là thu nhập có được từ chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn của doanh nghiệp đã đầu tư cho một hoặc nhiều tổ chức, cá nhân khác (*bao gồm cả trường hợp bán doanh nghiệp*).

(Khoản 1 Điều 14 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2013 đã được sửa đổi, bổ sung bởi các Thông tư có liên quan)

Câu 9. Thời điểm xác định thu nhập từ hoạt động CNV?

Trả lời:

Thời điểm xác định thu nhập từ hoạt động CNV là thời điểm chuyển quyền sở hữu vốn.

(Khoản 1 Điều 14 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2013 đã được sửa đổi, bổ sung bởi các Thông tư có liên quan)

Câu 10. Lưu ý đối với trường hợp doanh nghiệp bán toàn bộ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (TNHH MTV) do tổ chức làm chủ sở hữu?

Trả lời:

Trường hợp doanh nghiệp bán toàn bộ Công ty TNHH MTV do tổ chức làm chủ sở hữu dưới hình thức CNV có gắn với bất động sản thì kê khai và nộp thuế TNDN theo hoạt động chuyển nhượng bất động sản.

Trường hợp doanh nghiệp có CNV không nhận bằng tiền mà nhận bằng tài sản, lợi ích vật chất khác (cổ phiếu, chứng chỉ quỹ...) có phát sinh thu nhập thì phải chịu thuế TNDN. Giá trị tài sản, cổ phiếu, chứng chỉ quỹ... được xác định theo giá bán của sản phẩm trên thị trường tại thời điểm nhận tài sản.

(Khoản 1 Điều 14 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2013 đã được sửa đổi, bổ sung bởi các Thông tư có liên quan)

Câu 11. Xác định thu nhập tính thuế TNDN từ hoạt động CNV?

Trả lời:

Thu nhập tính thuế từ hoạt động CNV được xác định như sau:

$$\text{Thu nhập tính thuế} = \text{Giá chuyển nhượng} - \text{Giá mua của phần vốn chuyển nhượng} - \text{Chi phí chuyển nhượng}$$

Trong đó:

+ Giá chuyển nhượng được xác định là tổng giá trị thực tế mà bên chuyển nhượng thu được theo hợp đồng chuyển nhượng.

Lưu ý:

Trường hợp hợp đồng CNV quy định việc thanh toán theo hình thức trả góp, trả chậm thì doanh thu của hợp đồng chuyển nhượng không bao gồm lãi trả góp, lãi trả chậm theo thời hạn quy định trong hợp đồng.

Trường hợp hợp đồng chuyển nhượng không quy định giá thanh toán hoặc cơ quan thuế có cơ sở để xác định giá thanh toán không phù hợp theo giá thị trường, cơ quan thuế có quyền kiểm tra và ấn định giá chuyển nhượng.

Doanh nghiệp có hoạt động CNV cho tổ chức, cá nhân thì phần giá trị vốn chuyển nhượng theo hợp đồng chuyển nhượng có giá trị từ hai mươi triệu đồng trở lên phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt. Trường hợp việc CNV không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thì cơ quan thuế có quyền ấn định giá chuyển nhượng.

+ Giá mua của phần vốn chuyển nhượng được xác định đối với từng trường hợp như sau:

++ Nếu là CNV góp thành lập doanh nghiệp là giá trị phần vốn góp lũy kế đến thời điểm CNV trên cơ sở sổ sách, hồ sơ, chứng từ kế toán và được các bên tham gia đầu tư vốn hoặc tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh xác nhận, hoặc kết quả kiểm toán của công ty kiểm toán độc lập đối với doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài.

++ Nếu là phần vốn do mua lại thì giá mua là giá trị vốn tại thời điểm mua. Giá mua được xác định căn cứ vào hợp đồng mua lại phần vốn góp, chứng từ thanh toán.

Trường hợp doanh nghiệp đủ điều kiện hạch toán kế toán bằng đồng ngoại tệ và thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về chế độ kế toán có CNV góp bằng ngoại tệ thì giá chuyển nhượng và giá mua của phần vốn chuyển nhượng được xác định bằng đồng ngoại tệ; Trường hợp doanh nghiệp hạch toán kế toán bằng đồng Việt Nam có CNV góp bằng ngoại tệ thì giá chuyển nhượng phải được xác định bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản tại thời điểm chuyển nhượng.

+ Chi phí chuyển nhượng là các khoản chi thực tế liên quan trực tiếp đến việc chuyển nhượng, có chứng từ, hoá đơn hợp pháp. Trường hợp chi phí chuyển nhượng phát sinh ở nước ngoài thì các chứng từ gốc đó phải được một cơ quan công chứng hoặc kiểm toán độc lập của nước có chi phí phát sinh xác nhận và chứng từ phải được dịch ra tiếng Việt (có xác nhận của đại diện có thẩm quyền).

Chi phí chuyển nhượng bao gồm: chi phí để làm các thủ tục pháp lý cần thiết cho việc chuyển nhượng; các khoản phí và lệ phí phải nộp khi làm thủ tục chuyển nhượng; các chi phí giao dịch, đàm phán, ký kết hợp đồng chuyển nhượng và các chi phí khác có chứng từ chứng minh.

(Điểm a khoản 2 Điều 14 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015)

Câu 12. Quy định về khai thuế TNDN đối với hoạt động CNV?

Trả lời:

Thuế TNDN là loại thuế khai quyết toán năm/quyết toán đến thời điểm giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động, chấm dứt hợp đồng hoặc tổ chức lại doanh nghiệp (trừ TNDN từ CNV của nhà thầu nước ngoài; thuế TNDN kê khai theo phương pháp tỷ lệ trên doanh thu theo từng lần phát sinh hoặc theo tháng theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 8 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP). Người nộp thuế phải tự xác định số thuế TNDN tạm nộp quý và được trừ số thuế đã tạm nộp với số phải nộp theo quyết toán thuế năm.

Người nộp thuế thuộc diện lập báo cáo tài chính quý theo quy định của pháp luật về kế toán căn cứ vào báo cáo tài chính quý và các quy định của pháp luật về thuế để xác định số thuế TNDN tạm nộp quý.

Người nộp thuế không thuộc diện lập báo cáo tài chính quý theo quy định của pháp luật về kế toán căn cứ vào kết quả sản xuất, kinh doanh quý và các quy định của pháp luật về thuế để xác định số thuế TNDN tạm nộp quý.

Tổng số thuế TNDN đã tạm nộp của 04 quý không được thấp hơn 80% số thuế TNDN phải nộp theo quyết toán năm. Trường hợp người nộp thuế nộp thiếu so với số thuế phải tạm nộp 04 quý thì phải nộp tiền chậm nộp tính trên

số thuế nộp thiếu kể từ ngày tiếp sau ngày cuối cùng của thời hạn tạm nộp thuế TNDN quý 04 đến ngày liền kề trước ngày nộp số thuế còn thiếu vào NSNN.

(Điểm b khoản 6 Điều 8 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định có liên quan)

Câu 13. Quy định về kê khai, nộp thuế TNDN đối với tổ chức nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam mà tổ chức này không hoạt động theo Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp (gọi chung là nhà thầu nước ngoài) có hoạt động CNV?

Trả lời:

1. Đối với tổ chức nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam mà tổ chức này không hoạt động theo Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp (gọi chung là nhà thầu nước ngoài) có hoạt động CNV thì thực hiện kê khai, nộp thuế như sau:

Tổ chức, cá nhân nhận CNV có trách nhiệm xác định, kê khai, khấu trừ và nộp thay tổ chức nước ngoài số thuế TNDN phải nộp. Trường hợp bên nhận CNV cũng là tổ chức nước ngoài không hoạt động theo Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp thì doanh nghiệp thành lập theo pháp luật Việt Nam nơi các tổ chức nước ngoài đầu tư vốn có trách nhiệm kê khai và nộp thay số thuế TNDN phải nộp từ hoạt động CNV của tổ chức nước ngoài.

(Điểm c khoản 2 Điều 14 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 đã được sửa đổi, bổ sung bởi các Thông tư có liên quan)

2. Thuế TNDN từ hoạt động CNV của nhà thầu nước ngoài khai theo từng lần phát sinh.

(Điểm o khoản 4 Điều 8 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 đã được sửa đổi, bổ sung bởi các Nghị định có liên quan)

Câu 14. Nguyên tắc bù trừ, xác định lỗ và chuyển lỗ đối với hoạt động CNDĐT?

Trả lời:

Thu nhập từ hoạt động CNDĐT, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư... phải xác định riêng để kê khai nộp thuế. Trường hợp chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư, CNDĐT (trừ dự án thăm dò, khai thác khoáng sản) nếu bị lỗ thì số lỗ này được bù trừ với lãi của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ tính thuế.

Lỗ từ hoạt động CNDĐT, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư (trừ dự án thăm dò, khai thác khoáng sản) sau khi đã thực hiện bù trừ với thu nhập chịu thuế của hoạt động này hoặc bù lỗ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP nếu còn lỗ được chuyển lỗ sang năm sau, thời

gian chuyển lỗ tính liên tục không quá 5 năm, kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ.

(Khoản 2 Điều 6 và khoản 3 Điều 7 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 đã được sửa đổi, bổ sung bởi các Nghị định có liên quan)

Câu 15. Mẫu biểu khai thuế TNDN?

Trả lời: Các mẫu biểu sau đây quy định về khai thuế TNDN được ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021

Mẫu số **03/TNDN** - Tờ khai quyết toán thuế TNDN (áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí);

Mẫu số **03-1A/TNDN** - Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (áp dụng đối với ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ, trừ công ty an ninh, quốc phòng);

Mẫu số **03-2/TNDN** - Phụ lục chuyển lỗ;

Mẫu số **05/TNDN** - Tờ khai thuế TNDN (áp dụng đối với thu nhập từ CNV);

Mẫu số **06/TNDN** - Tờ khai thuế TNDN (áp dụng đối với hoạt động bán toàn bộ doanh nghiệp dưới hình thức CNV có gắn với bất động sản).

III. THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN (TNCN)

1. Đối với hoạt động CNV của cá nhân cư trú

Câu 16. Thu nhập từ hoạt động CNV của cá nhân bao gồm các khoản thu nhập nào?

Trả lời:

Thu nhập từ hoạt động CNV của cá nhân là khoản TNCN nhận được bao gồm:

- Thu nhập từ CNV góp trong Công ty TNHH (*bao gồm cả Công ty TNHH MTV*), công ty hợp danh, hợp đồng hợp tác kinh doanh, hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức kinh tế, tổ chức khác.

- Thu nhập từ chuyên nhượng chứng khoán, bao gồm: thu nhập từ chuyên nhượng cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu, tín phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại chứng khoán khác theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Luật chứng khoán. Thu nhập từ chuyên nhượng cổ phiếu của các cá nhân trong Công ty cổ phần theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Luật chứng khoán và Điều 120 của Luật doanh nghiệp.

- Thu nhập từ CNV dưới các hình thức khác.

(Khoản 4 Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 đã được sửa đổi, bổ sung bởi các Thông tư có liên quan)

Câu 17. Căn cứ tính thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng phần vốn góp?

Trả lời:

Căn cứ tính thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng phần vốn góp là thu nhập tính thuế và thuế suất; trong đó:

- Thu nhập tính thuế: thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng phần vốn góp được xác định bằng giá chuyển nhượng trừ giá mua của phần vốn chuyển nhượng và các chi phí hợp lý liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ CNV.

+ Giá chuyển nhượng là số tiền mà cá nhân nhận được theo hợp đồng CNV.

Trường hợp hợp đồng chuyển nhượng không quy định giá thanh toán hoặc giá thanh toán trên hợp đồng không phù hợp với giá thị trường thì cơ quan thuế có quyền ấn định giá chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

+ Giá mua của phần vốn chuyển nhượng là trị giá phần vốn góp tại thời CNV.

+ Các chi phí liên quan được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế của hoạt động CNV là những chi phí hợp lý thực tế phát sinh liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ CNV, có hóa đơn, chứng từ hợp lệ theo quy định.

- Thuế suất: thuế suất thuế TNCN đối với thu nhập từ CNV góp áp dụng theo Biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20%.

(Điểm a, b khoản 1 Điều 11 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 đã được sửa đổi, bổ sung bởi các Thông tư có liên quan)

Câu 18. Thời điểm xác định thu nhập tính thuế TNCN đối với chuyển nhượng phần vốn góp?

Trả lời:

Thời điểm xác định thu nhập tính thuế là thời điểm hợp đồng CNV góp có hiệu lực. Riêng đối với trường hợp góp vốn bằng phần vốn góp thì thời điểm xác định thu nhập tính thuế từ CNV là thời điểm cá nhân CNV, rút vốn.

(Điểm c khoản 1 Điều 11 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 đã được sửa đổi, bổ sung bởi các Thông tư có liên quan)

Câu 19. Cách tính thuế TNCN đối với chuyển nhượng phần vốn góp?

Trả lời:

$Thuế\ TNCN\ phải\ nộp = Thu\ nhập\ tính\ thuế \times Thuế\ suất\ 20\%$

(Điểm d khoản 1 Điều 11 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 đã được sửa đổi, bổ sung bởi các Thông tư có liên quan)

Câu 20. Kỳ tính thuế áp dụng đối với thu nhập từ CNV của cá nhân cư trú?

Trả lời:

Kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh thu nhập: áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn, thu nhập từ CNV, thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản, thu nhập từ trúng thưởng, thu nhập từ bản quyền, thu nhập từ nhượng quyền thương mại, thu nhập từ thừa kế, thu nhập từ quà tặng.

(Điểm b khoản 1 Điều 6 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 đã được sửa đổi, bổ sung bởi các Thông tư có liên quan)

Câu 21. Khai thuế đối với thu nhập từ hoạt động CNV của cá nhân cư trú?

Trả lời:

Cá nhân cư trú CNV góp thực hiện khai thuế theo từng lần chuyển nhượng không phân biệt có hay không phát sinh thu nhập.

(Điểm a khoản 4 Điều 26 Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 đã được sửa đổi, bổ sung bởi các Thông tư có liên quan)

Câu 22. Căn cứ tính thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán?

Trả lời:

Căn cứ tính thuế đối với hoạt động chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập tính thuế và thuế suất; trong đó:

- Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng chứng khoán được xác định là giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

Giá chuyển nhượng chứng khoán được xác định như sau:

+ Đối với chứng khoán của công ty đại chúng giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán, giá chuyển nhượng chứng khoán là giá thực hiện tại Sở Giao dịch chứng khoán. Giá thực hiện là giá chứng khoán được xác định từ kết quả khớp lệnh hoặc giá hình thành từ các giao dịch thỏa thuận tại Sở Giao dịch chứng khoán.

+ Đối với chứng khoán không thuộc trường hợp nêu trên, giá chuyển nhượng là giá ghi trên hợp đồng chuyển nhượng hoặc giá thực tế chuyển nhượng hoặc giá theo sổ sách kế toán của đơn vị có chứng khoán chuyển nhượng tại thời điểm lập báo cáo tài chính gần nhất theo quy định của pháp luật về kế toán trước thời điểm chuyển nhượng.

- Thuế suất: cá nhân chuyển nhượng chứng khoán nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

- Cách tính thuế:

Thuế TNCN phải nộp = Giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần x Thuế suất 0,1%

(Điểm a,b khoản 2 Điều 11 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015)

Câu 23. Thời điểm xác định thu nhập tính thuế TNCN đối với chuyển nhượng chứng khoán?

Trả lời:

Thời điểm xác định thu nhập tính thuế từ hoạt động chuyển nhượng chứng khoán được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán của Công ty đại chúng giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán là thời điểm người nộp thuế nhận thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

- Đối với chứng khoán của Công ty đại chúng không thực hiện giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán mà chỉ thực hiện chuyển quyền sở hữu qua hệ thống chuyển quyền của Trung tâm lưu ký chứng khoán là thời điểm chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán.

- Đối với chứng khoán không thuộc trường hợp nêu trên là thời điểm hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán có hiệu lực.

- Đối với trường hợp góp vốn bằng chứng khoán mà chưa phải nộp thuế khi góp vốn thì thời điểm xác định thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán do góp vốn là thời điểm cá nhân CNV, rút vốn.

(Điểm c khoản 2 Điều 11 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 đã được sửa đổi, bổ sung bởi các Thông tư có liên quan)

Câu 24. Kỳ tính thuế áp dụng đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán của cá nhân cư trú?

Trả lời:

Kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh hoặc theo năm áp dụng đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

(Điểm c khoản 1 Điều 6 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 đã được sửa đổi, bổ sung bởi các Thông tư có liên quan)

Câu 25. Khai thuế đối với cá nhân thu nhập từ có thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán?

Trả lời:

- Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán của Công ty đại chúng giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán không phải khai trực tiếp với cơ quan thuế mà Công ty chứng khoán, Ngân hàng thương mại nơi cá nhân mở tài khoản lưu ký,

Công ty quản lý quỹ nơi cá nhân ủy thác quản lý danh mục đầu tư khai thuế theo hướng dẫn tại khoản 1, Điều 26 Thông tư số 111/2013/TT-BTC.

- Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán không thông qua hệ thống giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán:

+ Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán của Công ty đại chúng đã đăng ký chứng khoán tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán không phải khai trực tiếp với cơ quan thuế mà Công ty chứng khoán, Ngân hàng thương mại nơi cá nhân mở tài khoản lưu ký chứng khoán khấu trừ thuế và khai thuế theo hướng dẫn tại khoản 1, Điều 26 Thông tư số 111/2013/TT-BTC.

+ Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán của Công ty cổ phần chưa là Công ty đại chúng nhưng tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền cho Công ty chứng khoán quản lý danh sách cổ đông không phải khai trực tiếp với cơ quan thuế mà Công ty chứng khoán được ủy quyền quản lý danh sách cổ đông khấu trừ thuế và khai thuế theo hướng dẫn tại khoản 1, Điều 26 Thông tư số 111/2013/TT-BTC.

- Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán không thuộc các trường hợp nêu trên thì khai thuế theo từng lần phát sinh.

Lưu ý:

- Doanh nghiệp thực hiện thủ tục thay đổi danh sách cổ đông trong trường hợp chuyển nhượng chứng khoán mà không có chứng từ chứng minh cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã hoàn thành nghĩa vụ thuế thì doanh nghiệp nơi cá nhân chuyển nhượng chứng khoán có trách nhiệm khai thuế, nộp thuế thay cho cá nhân.

Trường hợp doanh nghiệp nơi cá nhân chuyển nhượng chứng khoán khai thuế thay cho cá nhân thì doanh nghiệp thực hiện khai thay hồ sơ khai thuế TNCN. Doanh nghiệp khai thay ghi thêm “Khai thay” vào phần trước cụm từ “Người nộp thuế hoặc Đại diện hợp pháp của người nộp thuế” đồng thời người khai ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu của doanh nghiệp. Trên hồ sơ tính thuế, chứng từ thu thuế vẫn phải thể hiện đúng người nộp thuế là cá nhân chuyển nhượng chứng khoán.

- Cuối năm nếu cá nhân chuyển nhượng chứng khoán có yêu cầu quyết toán thuế thì thực hiện khai quyết toán thuế trực tiếp với cơ quan thuế.

(Khoản 5 Điều 26 Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 đã được sửa đổi, bổ sung bởi các Thông tư có liên quan)

Câu 26. Khai thuế, nộp thuế đối với trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu?

Trả lời:

Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu, cá nhân chưa phải nộp thuế TNCN khi nhận cổ phiếu. Khi chuyển nhượng số cổ phiếu này, cá nhân phải nộp thuế TNCN đối với thu nhập từ đầu tư vốn và thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán, cụ thể như sau:

- Căn cứ để xác định số thuế TNCN phải nộp đối với thu nhập từ đầu tư vốn là giá trị cổ tức ghi trên sổ sách kế toán hoặc số lượng cổ phiếu thực nhận nhân (x) với mệnh giá của cổ phiếu đó và thuế suất thuế TNCN đối với thu nhập từ đầu tư vốn.

Trường hợp giá chuyển nhượng cổ phiếu nhận thay cổ tức thấp hơn mệnh giá thì tính thuế TNCN đối với hoạt động đầu tư vốn theo giá thị trường tại thời điểm chuyển nhượng.

Sau khi nhận cổ tức bằng cổ phiếu, nếu cá nhân có chuyển nhượng cổ phiếu cùng loại thì khai và nộp thuế TNCN đối với cổ tức nhận bằng cổ phiếu cho tới khi hết số cổ phiếu nhận thay cổ tức.

- Căn cứ để xác định số thuế TNCN phải nộp đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán được xác định như câu 22 ở trên.

(Điểm d khoản 2 Điều 11 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 đã được sửa đổi, bổ sung bởi các Thông tư có liên quan)

Câu 27. Khấu trừ thuế TNCN khi chuyển nhượng chứng khoán?**Trả lời:**

Mọi trường hợp chuyển nhượng chứng khoán đều phải khấu trừ thuế theo thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng trước khi thanh toán cho người chuyển nhượng. Cụ thể việc khấu trừ thuế được thực hiện như sau:

- Đối với chứng khoán giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán:

+ Công ty chứng khoán, Ngân hàng thương mại nơi cá nhân mở tài khoản lưu ký chứng khoán có trách nhiệm khấu trừ thuế TNCN theo thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng trước khi thanh toán tiền cho cá nhân, số thuế khấu trừ được xác định như hướng dẫn tại điểm b.2, khoản 2, Điều 11 Thông tư số 111/2013/TT-BTC.

+ Công ty quản lý quỹ nơi cá nhân ủy thác quản lý danh mục đầu tư chứng khoán có trách nhiệm khấu trừ thuế TNCN theo thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán của cá nhân ủy thác danh mục đầu tư chứng khoán theo bảng phân bổ của công ty gửi ngân hàng lưu ký mà Công ty mở tài khoản lưu ký.

- Đối với chứng khoán chuyển nhượng không qua hệ thống giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán:

+ Đối với chứng khoán của Công ty đại chúng đã đăng ký chứng khoán tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán:

Công ty Chứng khoán, Ngân hàng thương mại nơi cá nhân mở tài khoản lưu ký chứng khoán khấu trừ thuế TNCN theo thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng trước khi làm thủ tục chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

+ Đối với chứng khoán của Công ty cổ phần chưa là Công ty đại chúng nhưng tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền cho Công ty chứng khoán quản lý danh sách cổ đông:

Công ty chứng khoán được ủy quyền quản lý danh sách cổ đông khấu trừ thuế TNCN theo thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng trước khi làm thủ tục chuyển quyền sở hữu chứng khoán.

Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán phải xuất trình hợp đồng chuyển nhượng với Công ty chứng khoán khi làm thủ tục chuyển quyền sở hữu chứng khoán.

(Điểm đ khoản 1 Điều 25 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 đã được sửa đổi, bổ sung bởi các Thông tư có liên quan)

2. Đối với hoạt động CNV của cá nhân không cư trú

Câu 28. Thuế TNCN đối với thu nhập từ hoạt động CNV của cá nhân không cư trú được xác định như thế nào?

Trả lời:

Thuế TNCN đối với thu nhập từ hoạt động CNV của cá nhân không cư trú được xác định bằng tổng số tiền mà cá nhân không cư trú nhận được từ việc chuyển nhượng phần vốn tại các tổ chức, cá nhân Việt Nam nhân (x) với thuế suất 0,1%, không phân biệt việc chuyển nhượng được thực hiện tại Việt Nam hay tại nước ngoài.

Tổng số tiền mà cá nhân không cư trú nhận được từ việc chuyển nhượng phần vốn tại các tổ chức, cá nhân Việt Nam là giá CNV không trừ bất kỳ khoản chi phí nào kể cả giá vốn.

(Khoản 1 Điều 20 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 đã được sửa đổi, bổ sung bởi các Thông tư có liên quan)

Câu 29. Giá chuyển nhượng phần vốn góp đối với từng trường hợp cụ thể của cá nhân không cư trú được xác định như thế nào?

Trả lời:

- Trường hợp chuyển nhượng phần vốn góp thì giá chuyển nhượng được xác định như đối với cá nhân cư trú như câu 17 ở trên.

- Trường hợp chuyển nhượng chứng khoán thì giá chuyển nhượng được xác định như đối với cá nhân cư trú như câu 22 ở trên.

(Khoản 2 Điều 20 Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 đã được sửa đổi, bổ sung bởi các Thông tư có liên quan)

Câu 30. Thời điểm xác định thu nhập tính thuế thuế TNCN?

Trả lời:

- Đối với thu nhập từ CNV góp của cá nhân không cư trú là thời điểm hợp đồng CNV góp có hiệu lực.

- Đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán của cá nhân không cư trú được xác định như đối với cá nhân cư trú theo hướng dẫn tại điểm c, khoản 2, Điều 11 Thông tư số 111/2013/TT-BTC.

(Khoản 3 Điều 20 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 đã được sửa đổi, bổ sung bởi các Thông tư có liên quan)

Câu 31. Kỳ tính thuế áp dụng đối với thu nhập từ hoạt động CNV của cá nhân không cư trú?

Trả lời:

Kỳ tính thuế đối với cá nhân không cư trú được tính theo từng lần phát sinh thu nhập.

(Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 đã được sửa đổi, bổ sung bởi các Thông tư có liên quan)

Câu 32. Khấu trừ thuế TNCN đối với thu nhập từ hoạt động CNV góp của cá nhân không cư trú?

Trả lời:

Tổ chức, cá nhân nhận CNV góp của cá nhân không cư trú có trách nhiệm khấu trừ thuế TNCN theo thuế suất 0,1% trên giá CNV góp.

(Điểm e khoản 1 Điều 25 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 đã được sửa đổi, bổ sung bởi các Thông tư có liên quan)

Câu 33. Khai thuế đối với thu nhập từ hoạt động CNV (trừ chuyển nhượng chứng khoán) của cá nhân không cư trú ?

Trả lời:

Cá nhân không cư trú có thu nhập từ CNV góp (trừ chuyển nhượng chứng khoán) tại Việt Nam không phải khai thuế trực tiếp với cơ quan thuế mà tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng thực hiện khấu trừ thuế theo hướng dẫn tại điểm e, khoản 1, Điều 25 Thông tư 111/2013/TT-BTC và khai thuế theo từng lần phát sinh.

(Điểm b khoản 4 Điều 26 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 đã được sửa đổi, bổ sung bởi các Thông tư có liên quan)

3. Lưu ý khác

Câu 34. Về khai thuế thay, nộp thuế thay thuế TNCN đối với thu nhập từ hoạt động CNV?

Trả lời:

1. Đối với tổ chức:

Tổ chức phát hành thực hiện thủ tục thay đổi danh sách thành viên góp vốn hoặc danh sách cổ đông trong trường hợp CNV mà không có chứng từ chứng minh cá nhân CNV đã hoàn thành nghĩa vụ thuế thì tổ chức phát hành khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân CNV theo quy định.

(Điểm h khoản 5 Điều 7 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định có liên quan)

Doanh nghiệp làm thủ tục thay đổi danh sách thành viên góp vốn trong trường hợp CNV (*trừ chuyển nhượng chứng khoán*) mà không có chứng từ chứng minh cá nhân CNV đã hoàn thành nghĩa vụ thuế thì doanh nghiệp nơi cá nhân CNV có trách nhiệm khai thuế, nộp thuế thay cho cá nhân.

(Điểm c khoản 4 Điều 26 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 đã được sửa đổi, bổ sung bởi các Thông tư có liên quan)

2. Đối với cá nhân:

Thuế TNCN do cá nhân trực tiếp khai thuế hoặc tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản; thu nhập từ CNV; thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền thương mại, trúng thưởng từ nước ngoài; thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng được khai theo từng lần phát sinh.

(Điểm g khoản 4 Điều 8 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định có liên quan)

Câu 35. Quy định về địa điểm nộp hồ sơ khai thuế đối với hoạt động CNV; hoạt động CNV của nhà thầu nước ngoài?

Trả lời:

1. Người nộp thuế có phát sinh nghĩa vụ thuế đối với các loại thuế khai và nộp theo từng lần phát sinh (*theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 45 Luật Quản lý thuế*) thì địa điểm nộp hồ sơ khai thuế là cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

2. Đối với hoạt động CNV của nhà thầu nước ngoài thì địa điểm nộp hồ sơ khai thuế là cơ quan thuế quản lý trực tiếp doanh nghiệp nơi nhà thầu nước ngoài đầu tư vốn (*bao gồm cả trường hợp tổ chức, cá nhân nhận CNV khai thay cho nhà thầu nước ngoài và trường hợp tổ chức thành lập theo pháp luật Việt*

Nam nơi nhà thầu nước ngoài đầu tư vốn khai thay nếu tổ chức, cá nhân nhận CNV cũng là nhà thầu nước ngoài).

(Điểm c khoản 6 Điều 11 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định có liên quan)

Câu 36. Một số mẫu biểu khai thuế TNCN?

Trả lời:

Các mẫu biểu sau đây quy định về khai thuế TNCN được ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021:

Mẫu số **04/CNV-TNCN** - Tờ khai thuế TNCN (áp dụng đối với cá nhân có thu nhập từ CNV góp, cá nhân chuyển nhượng chứng khoán khai trực tiếp với cơ quan thuế và tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân);

Mẫu số **04-1/CNV-TNCN** - Phụ lục bảng kê chi tiết cá nhân CNV (áp dụng đối với tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho nhiều cá nhân);

Mẫu số **06/TNCN** - Tờ khai thuế TNCN (áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập khấu trừ thuế đối với thu nhập từ đầu tư vốn, từ chuyển nhượng chứng khoán, từ bản quyền, từ nhượng quyền thương mại, từ trúng thưởng của cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú; từ kinh doanh của cá nhân không cư trú; tổ chức, cá nhân nhận CNV của cá nhân không cư trú);

Mẫu số **06-1/BK-TNCN** - Phụ lục bảng kê chi tiết cá nhân có thu nhập trong năm tính thuế (kê khai vào hồ sơ khai thuế của tháng/quý cuối cùng trong năm tính thuế).

IV. THÔNG TIN CẢNH BÁO, HỖ TRỢ

Câu 37. Một số cảnh báo (có đường dẫn truy cập) cần lưu ý?

Trả lời

1. Thông tin cảnh báo hành vi mạo danh, giả danh cán bộ thuế để lừa cơ quan thuế và doanh nghiệp (nguồn Tổng cục Thuế ngày 07/3/2022);

<https://rd.zapps.vn/detail/2846956195040039997?id=907ec10b864e6f10365f&pageId=2846956195040039997>

2. Thông báo số 4441/TB-CTLĐO ngày 01/12/2022 của Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng về việc cung cấp tài liệu liên quan đến chính sách thuế;

<https://rd.zapps.vn/detail/2846956195040039997?id=fb17179cb8d9518708c8&pageId=2846956195040039997>

3. Thông báo về việc giả mạo ứng dụng ngành thuế (nguồn Tổng cục Thuế ngày 12/4/2023);

<https://rd.zapps.vn/detail/2846956195040039997?id=24a23cd49e9177cf2e80&pageId=2846956195040039997>

4. Thông báo số 3199/TB-CTLĐO ngày 15/6/2023 của Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng về việc mạo danh cơ quan thuế, mạo danh công chức thuế, giả mạo ứng dụng ngành thuế;

<https://rd.zapps.vn/detail/2846956195040039997?id=21bec3395b7cb222eb6d&pageId=2846956195040039997>

5. Một số hình thức lừa đảo trên không gian mạng (nguồn Cục An toàn thông tin ngày 14/8/2023);

<https://rd.zapps.vn/detail/2846956195040039997?id=5d03068093c57a9b23d4&pageId=2846956195040039997>

6. Cảnh báo hành vi chiếm đoạt quyền sử dụng, phát hành hóa đơn điện tử;

<https://rd.zapps.vn/detail?id=ffd55273c03629687027&pageId=2846956195040039997>

7. Cảnh báo Tình trạng giả danh, lợi dụng danh nghĩa phóng viên Báo Kiểm toán, Tạp chí NCKH kiểm toán để hoạt động trái pháp luật;

<https://officialaccount.me/d?id=60c80fe685a36cfd35b2&pageId=2846956195040039997>

8. Cảnh báo Hành vi giả danh Lãnh đạo Cục Thuế và Lãnh đạo bộ phận “một cửa”.

<https://officialaccount.me/d?id=6c47932d1568fc36a579&pageId=2846956195040039997>

Câu 38. Khi cần hỗ trợ, xử lý vướng mắc về chính sách thuế?

Trả lời:

Khi có vướng mắc, NNT liên hệ các số điện thoại sau đây để được hỗ trợ:

- Phòng TT-HT NNT Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng:

0263.3824468 - 0263.3532716 (*Hóa đơn*)

- Chi cục Thuế Khu vực Đà Lạt- Lạc Dương: 0263.3822026

- Chi cục Thuế Khu vực Đức Trọng - Đơn Dương: 0263.3841428

- Chi cục Thuế Khu vực Bảo Lộc - Bảo Lâm: 0263.3866742

- Chi cục Thuế Khu vực Lâm Hà - Đam Rông: 0263.3686796

- Chi cục Thuế Khu vực Đa Huoai - Đa Tềh - Cát Tiên: 0263.3880338

- Chi cục Thuế huyện Di Linh: 0263.3873937

Câu 39. Khi cần hỗ trợ, xử lý vướng mắc khác?

Trả lời: Khi có vướng mắc về các vấn đề khác, NNT liên hệ các số điện thoại sau đây để được hỗ trợ:

- Văn phòng - Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng: 0263.3823411

- Số điện thoại đường dây nóng của Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng - Phòng Kiểm tra nội bộ: 0263.3510407

- Số điện thoại Nhóm hỗ trợ hướng dẫn sử dụng về dịch vụ điện tử, hóa đơn điện tử của Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng - Phòng CNTT: 0263.3835561

Câu 40. Chi tiết nội dung tài liệu tuyên truyền xem ở đâu?

Trả lời:

Chi tiết nội dung Tài liệu tuyên truyền kính mời NNT xem tại:

- Trang Fanpage Cục Thuế: <https://www.facebook.com/cucthuelamdong.ldo>

- Trang Zalo Cục Thuế: <https://zalo.me/cucthueldo>

- Trang Thông tin điện tử Cục Thuế: <http://lamdong.gdt.gov.vn>

**Trang Fanpage Cục Thuế
tỉnh Lâm Đồng**



SCAN ME

**Trang Zalo Cục Thuế
tỉnh Lâm Đồng**



SCAN ME